

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM: VAI TRÒ CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Nguyễn Thị Mai¹

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vũ Ngọc Thanh Trúc

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận: 02/04/2025; Ngày hoàn thành biên tập: 12/05/2025; Ngày duyệt đăng: 26/05/2025

DOI: <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.042025.1274>

Tóm tắt: Bài viết phân tích tác động của các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đối với giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang 60 quốc gia trong giai đoạn 2001-2023. Dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Thương mại Thế giới và Tổng cục Hải quan Việt Nam, được xử lý bằng phương pháp ước lượng trọng số theo mô hình hấp dẫn (GMN). Kết quả cho thấy FTA có ảnh hưởng tích cực đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Mức độ tác động này giảm đáng kể tại các quốc gia có khoảng cách địa lý xa hoặc biến động tỷ giá cao, trong khi lại gia tăng rõ rệt ở các thị trường có quy mô dân số lớn và tỷ lệ lạm phát cao. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách linh hoạt như ưu tiên mở rộng thị trường gần về mặt địa lý hoặc điều chỉnh chiến lược xuất khẩu phù hợp với biến động tỷ giá.

Từ khóa: FTA, Xuất khẩu cà phê, Việt Nam, GMM, Rào cản thương mại

VIETNAM'S COFFEE EXPORTS: THE INTERMEDIARY ROLE OF FREE TRADE AGREEMENTS

Abstract: The study analyzes the impact of Free Trade Agreements (FTAs) on the value of Vietnam's coffee exports to 60 countries during the period 2001-2023. Data from the World Bank, the World Trade Organization, and the General Department of Vietnam Customs were processed using the gravity model with weighted estimation (GMN). The results indicate that FTAs have a positive effect on Vietnam's coffee exports. Notably, this impact decreases significantly in countries with greater geographical distance or high exchange rate volatility, while it increases markedly in markets with large population sizes and high inflation rates. On that basis, it also proposes flexible policy implications, such as prioritizing expansion into

¹ Tác giả liên hệ, Email: nguyenthimai.cs2@ftu.edu.vn

geographically closer markets or adjusting export strategies in response to exchange rate fluctuations.

Keywords: FTA, Coffee Exports, Vietnam, GMM, Trade Barriers

1. Giới thiệu

Xuất khẩu cà phê đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, với sản lượng đứng thứ hai thế giới sau Brazil (Đỗ, 2025). Tuy nhiên, bất chấp vị thế dẫn đầu về sản lượng, giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam vẫn chưa đạt mức tối ưu do những hạn chế liên quan đến chất lượng sản phẩm, khả năng tiếp cận thị trường và sự biến động của các tiêu chuẩn quốc tế. Theo dữ liệu từ Tổng cục Hải quan (Tiến, 2024), Việt Nam đã xuất khẩu 1,13 triệu tấn cà phê, đạt kim ngạch 4,44 tỷ USD, giảm 11,1% về lượng nhưng tăng 39,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2023. Điều này phản ánh nghịch lý, mặc dù giá trị xuất khẩu tăng nhưng phần lớn cà phê xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở dạng thô, chủ yếu là cà phê Robusta chưa được tinh chế nên làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy xuất khẩu cà phê của Việt Nam bằng cách tạo ra ưu đãi thuế quan và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Đặc biệt, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ năm 2020, đã mang lại cơ hội lớn cho xuất khẩu cà phê sang thị trường EU - một trong những thị trường tiêu thụ cà phê lớn của thế giới. Theo Hoang & Ngan (2020), EVFTA giúp giảm thuế xuất khẩu xuống 0%, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của cà phê Việt Nam trên thị trường EU.

Ngoài ra, các hiệp định thương mại tự do khác như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu. Chẳng hạn, nhờ tác động của Hiệp định CPTPP, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2024 đã tăng 48,16%, đạt 238,84 triệu USD (Bộ Công Thương, 2024). Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả các lợi ích mà FTA mang lại, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết, các thị trường lớn như EU và Hoa Kỳ đang ngày càng siết chặt các tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và phát triển bền vững (Trinh & cộng sự, 2023). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc cải tiến quy trình sản xuất, chế biến và xây dựng chuỗi giá trị bền vững.

Các nghiên cứu trước đây về tác động của các FTA đối với xuất khẩu cà phê của Việt Nam chủ yếu tập trung vào từng hiệp định cụ thể hoặc phân tích ở cấp độ từng thị trường riêng lẻ. Ví dụ, Hoang & Ngan (2020) đánh giá ảnh hưởng của EVFTA đối với

xuất khẩu cà phê sang EU, trong khi Tran & Nguyen (2023) tập trung vào tác động của CPTPP đối với xuất khẩu sang Nhật Bản. Ở phạm vi quốc tế, Nsabimana & Tirkaso (2020) đã phân tích tác động của các Hiệp định Thương mại Khu vực (RTA) đối với hiệu suất xuất khẩu cà phê tại 8 quốc gia thuộc khu vực Đông và Nam Phi. Đặc biệt, Boehm & cộng sự (2023) đã sử dụng dữ liệu thương mại ở cấp độ sản phẩm chi tiết (5-digit SITC) từ 109 quốc gia trong giai đoạn 1991-2005 để phân tích tác động của các FTA. Kết quả cho thấy FTA không chỉ làm gia tăng tổng kim ngạch thương mại mà còn góp phần tái cấu trúc cơ cấu xuất khẩu, đặc biệt thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ ở những nhóm sản phẩm vốn ít được giao dịch trước đó. Putro & cộng sự (2024) xem xét vai trò của FTA Indonesia với các đối tác thương mại chính trong việc thúc đẩy xuất khẩu cà phê. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có vẫn chưa phản ánh đầy đủ vai trò của các FTA trong việc định hình chiến lược xuất khẩu, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện của ngành cà phê. Để lấp đầy khoảng trống này, cần có những nghiên cứu toàn diện hơn nhằm phân tích tác động tổng thể cũng như mối quan hệ tương tác của các FTA đối với xuất khẩu cà phê Việt Nam tại 60 quốc gia đối tác. Từ đó, có thể đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn các lợi thế do FTA mang lại, góp phần gia tăng giá trị xuất khẩu của ngành cà phê Việt Nam.

Nghiên cứu được thiết kế nhằm đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đến giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang 60 quốc gia giai đoạn 2001-2023, đặc biệt nhấn mạnh sự khác biệt trong mức độ tác động của FTA theo các đặc điểm như tổng sản phẩm quốc nội, khoảng cách địa lý, quy mô dân số, tỷ giá hối đoái, lạm phát và quy định về luật pháp và pháp quyền.

Cấu trúc bài viết gồm 5 phần. Sau phần giới thiệu, phần 2 trình bày tổng quan nghiên cứu về tác động của hiệp định thương mại đến xuất khẩu cà phê. Tiếp đó, phần 3 chỉ ra phương pháp nghiên cứu. Phần 4 thảo luận kết quả nghiên cứu. Cuối cùng, phần 5 đưa ra kết luận.

2. Tổng quan nghiên cứu về tác động của hiệp định thương mại đến xuất khẩu cà phê

Xuất khẩu là quá trình chuyển giao hàng hóa hoặc dịch vụ giữa các quốc gia nhằm tạo ra giá trị kinh tế, thu hút ngoại tệ và thúc đẩy hợp tác thương mại toàn cầu (Krugman & Obstfeld, 2022). Theo đó, mô hình trọng lực (Gravity Model) là một công cụ quan trọng trong việc giải thích dòng chảy thương mại giữa các quốc gia. Mô hình này phát triển bởi Tinbergen (1962) và được sử dụng rộng rãi để phân tích mối quan hệ thương mại song phương giữa các quốc gia. Mô hình này cho rằng dòng chảy thương mại giữa hai quốc gia phụ thuộc vào các yếu tố như GDP của cả hai quốc gia, dân số, khoảng cách địa lý và các yếu tố khác như ngôn ngữ, biên giới chung và quan hệ thuộc

địa trong quá khứ (Hoang & Ngan, 2020; Nsabimana & Tirkaso, 2020; Abafita & Tadesse, 2021; Cubillos & cộng sự, 2021; Trinh & cộng sự, 2023).

Có nhiều lý thuyết kinh tế giải thích tác động của các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đối với hoạt động xuất khẩu. Trong đó, mô hình Heckscher-Ohlin tập trung vào vai trò của các yếu tố sản xuất, trong khi các lý thuyết thương mại hiện đại như Krugman-Helpman và Linder dựa trên thương mại nội ngành để giải thích dòng chảy thương mại toàn cầu nói chung. Những lý thuyết này cho thấy tiềm năng xuất khẩu giữa các nền kinh tế là rất lớn, đặc biệt thông qua các hình thức hợp tác thương mại và quá trình hội nhập ở cấp khu vực cũng như song phương (Kunroo & Ahmad, 2023). Ngược lại, mô hình trọng lực nhấn mạnh rằng FTA giảm thiểu các rào cản thương mại như thuế quan, từ đó thúc đẩy xuất khẩu dựa vào tăng cường quan hệ kinh tế dựa trên khoảng cách địa lý và quy mô thị trường (Tinbergen, 1962). Mô hình Ricardo nhấn mạnh lợi thế so sánh thông qua việc FTA hỗ trợ xuất khẩu bằng cách tận dụng sự khác biệt về công nghệ giữa các quốc gia (Ricardo, 1817). Các lý thuyết này góp phần làm nổi bật tác động đa chiều của FTA đối với tăng trưởng xuất khẩu.

Đối với Việt Nam, việc tham gia các FTA đã mở ra nhiều cơ hội để tăng cường xuất khẩu và thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững. Các hiệp định CPTPP và EVFTA đã giúp Việt Nam tận dụng lợi thế thuế quan và mở rộng thị trường cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như nông sản, dệt may và thủy sản (Tran & Nguyen, 2023). Các FTA không chỉ giúp mở rộng thị trường mà còn tạo điều kiện thuận lợi về thuế quan và quy định xuất xứ, giúp sản phẩm cà phê Việt Nam có lợi thế cạnh tranh đáng kể trên trường quốc tế. Ví dụ, theo EVFTA, thuế nhập khẩu cà phê chưa rang vào thị trường EU được giảm từ mức 7-11% xuống còn 0%, góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam tại khu vực này. Tuy nhiên, để hưởng ưu đãi thuế quan, cà phê Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện nghiêm ngặt về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật và thông tin nhãn mác. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời tuân thủ các quy định về môi trường và lao động. Như vậy, FTA không chỉ tạo thuận lợi cho thương mại mà còn thúc đẩy ngành cà phê Việt Nam phát triển bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm và củng cố vị thế trên thị trường quốc tế (Vo & cộng sự, 2024).

Từ góc nhìn tổng quan nghiên cứu, các công trình trong và ngoài nước đều khẳng định vai trò quan trọng của FTA, yếu tố kinh tế vĩ mô và tiêu chuẩn quốc tế trong việc thúc đẩy xuất khẩu nông sản, đặc biệt là cà phê. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống nghiên cứu về vai trò của FTA trong việc nâng cao hiệu quả xuất khẩu cà phê Việt Nam. Các nghiên cứu trong nước, tiêu biểu như của Hoàng & Ngân (2020) và Trinh & cộng sự (2023), tập trung phân tích tác động của EVFTA đối với xuất khẩu nông sản, đồng thời nhấn mạnh cơ hội mở rộng thị trường và chỉ ra những thách thức liên quan

đến tiêu chuẩn EU. Trong khi đó, các nghiên cứu quốc tế như Abafita & Tadesse (2021) và Assoua & cộng sự (2024) cung cấp cái nhìn toàn diện về các yếu tố quyết định dòng chảy thương mại cà phê toàn cầu. Những nghiên cứu này không chỉ làm rõ tác động của FTA mà còn gợi mở hướng nghiên cứu mới về vai trò của các yếu tố văn hóa, lịch sử thuộc địa và thể chế trong việc thúc đẩy xuất khẩu cà phê.

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) có tác động đáng kể đến xuất khẩu nông sản, đặc biệt là cà phê. Bojnec & Fertő (2020) khẳng định rằng các hiệp định khu vực thương mại tự do (RFTA) thúc đẩy tích cực thương mại nông sản giữa các quốc gia. Trong khi đó, Hoang & Ngan (2020) phát hiện rằng EVFTA không chỉ mở rộng thị trường mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu cà phê Việt Nam sang EU.

Hiệp định CPTPP đã thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam lên 41 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022, tăng 38,7% so với năm 2021, đặc biệt sang các thị trường lớn như Nhật Bản (GDP 4,2 nghìn tỷ USD), Canada (GDP 2 nghìn tỷ USD) và Australia, vượt trội so với các nước nhỏ như Peru hay Brunei (Phuong, 2022). So với các quốc gia không có FTA nhưng gần về địa lý (Trung Đông, Bắc Phi, ASEAN), EU vẫn là thị trường lớn nhất (Nguyen & Vu, 2022). Sau EVFTA, các nước EU đông dân như Đức (84 triệu) và Pháp (68 triệu) tăng trưởng nhập khẩu mạnh (Chí, 2021). Canada (40 triệu, thuộc CPTPP) vượt Algeria (45 triệu, không có FTA) về nhập khẩu nhờ ưu đãi thuế (UNCTAD, 2021). Các nước có FTA và tỷ giá ổn định như EU đạt kim ngạch cao hơn so với các nước chỉ có FTA (Nhật Bản, Canada), nhờ kết hợp ưu đãi thuế và giảm rủi ro tỷ giá (Chí, 2021). Các thị trường có FTA và lạm phát tương đồng (Anh, Chile) thường có kim ngạch cà phê cao hơn Mỹ, chịu ảnh hưởng bởi quy mô thị trường và thói quen tiêu dùng (Huong, 2024; Trung tâm WTO, 2021). Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các thị trường FTA như EU (EVFTA), CPTPP và UKVFTA tăng mạnh, với CPTPP mở rộng thị trường mới như Canada, Mexico và Peru (Huong, 2024), nhờ các tiêu chuẩn thể chế đồng bộ về lao động, môi trường và thương mại. Tuy nhiên các nghiên cứu này chưa đo lường cụ thể về mức độ khác biệt trong tác động của FTA đến kim ngạch xuất khẩu cà phê theo các đặc điểm về GDP, khoảng cách địa lý, tỷ giá, lạm phát và thể chế.

Kết quả nghiên cứu khác cũng nhấn mạnh vai trò tích cực của EVFTA trong việc thúc đẩy xuất khẩu cà phê, đồng thời chỉ ra rằng các yếu tố như toàn cầu hóa (Nugroho & Lakner, 2021) và công nghiệp hóa (Khan & cộng sự, 2021) cũng có những tác động nhất định lên hoạt động xuất khẩu. Những phát hiện này đều khẳng định rằng FTA đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị xuất khẩu cà phê của các quốc gia tham gia.

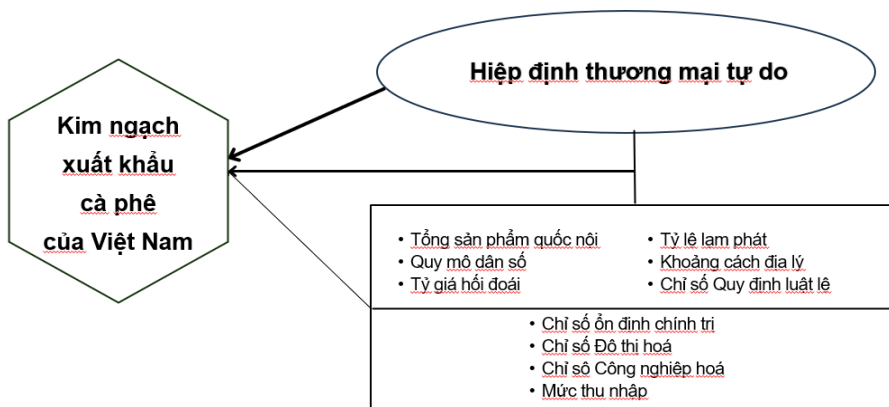
3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Dữ liệu

Bài viết sử dụng dữ liệu thu thập từ các nguồn uy tín như Ngân hàng Thế giới, UN Comtrade, Hệ thống cơ sở dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Trung tâm Nghiên cứu Triển vọng và Thông tin Quốc tế, Tổ chức Thương mại Thế giới. Dữ liệu từ 60 quốc gia trải rộng ở Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Phi trong giai đoạn 2001-2023. Các quốc gia bao gồm các thị trường tiêu thụ cà phê lớn và quan trọng như Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Dữ liệu được phân loại theo nhóm thu nhập: thấp, trung bình thấp, trung bình cao và cao, giúp phản ánh sự đa dạng của các thị trường xuất khẩu cà phê và tác động của các FTA.

3.2 Khung phân tích và biến số

Bài viết kế thừa và phát triển từ các nghiên cứu trước, sử dụng lý thuyết mô hình trọng lực (Gravity Model - GM) làm nền tảng lý thuyết chính. Cụ thể, Hoang & Ngan (2020), Nsabimana & Tirkaso (2020), Abafita & Tadesse (2021), Cubillos & cộng sự (2021) đã cung cấp cơ sở để áp dụng GM trong việc đánh giá tác động của FTA đối với dòng chảy thương mại cà phê. Bên cạnh đó, bài viết còn tham chiếu đến mô hình thương mại hấp dẫn của Trinh & cộng sự (2023), nhằm phân tích sâu hơn vai trò của các yếu tố kinh tế vĩ mô, khoảng cách địa lý và các yếu tố bổ sung như văn hóa, lịch sử thuộc địa trong việc thúc đẩy xuất khẩu cà phê. Từ đó, nghiên cứu xây dựng khung phân tích toàn diện để đánh giá tác động của FTA đối với giá trị xuất khẩu cà phê từ góc độ cả nước xuất khẩu lẫn nước nhập khẩu. Khung phân tích này không chỉ phản ánh tính liên kết chặt chẽ với các nghiên cứu tiền nhiệm mà còn mở rộng phạm vi ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thương mại quốc tế (Hình 1). Điểm mới của khung phân tích là nghiên cứu bổ sung tác động tương tác giữa FTA và các yếu tố kinh tế, xã hội và thể chế đến giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam.



Hình 1. Khung phân tích

Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của nhóm tác giả

Kế thừa nghiên cứu của Hoang & Ngan (2020), Nsabimana & Tirkaso (2020), Abafita & Tadesse (2021), Cubillos & cộng sự (2021), Trinh & cộng sự (2023) và xem xét sự phù hợp của mô hình đối với bộ dữ liệu, bài viết sử dụng mô hình hồi quy GMM để xử lý vấn đề nội sinh tồn tại trong mô hình với các biến được trình bày cụ thể tại Bảng 1.

Bảng 1. Khai báo các biến sử dụng trong mô hình

Kí hiệu	Biến số	Giải thích	Kế thừa nghiên cứu
<i>Biến phụ thuộc</i>			
ln_exp	Giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam	Giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam sang nước nhập khẩu. (đơn vị tính là \$)	Hoang & Ngan (2020), Nsabimana & Tirkaso (2020), Abafita & Tadesse (2021), Bojnec & Fertő (2021), Nugroho & Lakner (2021), Vo & cộng sự (2024), Assoua & cộng sự (2024), Putro & cộng sự (2024)
<i>Biến độc lập</i>			
Fta	Hiệp định thương mại tự do	Biến giả Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, trong đó $i=(0,1)$ với $f_{ta} = 1$ ứng với năm quốc gia đối tác có FTA có hiệu lực với Việt Nam, $f_{ta} = 0$ ứng với không có FTA	Hoang & Ngan (2020), Nsabimana & Tirkaso (2020), Abafita & Tadesse (2021), Bojnec & Fertő (2021), Falkendal & cộng sự (2021), Boehm & cộng sự (2023), Putro & cộng sự (2024), Vo & cộng sự (2024)
int1	Tương tác 1	$int1=ln_gdp*f_{ta}$ (tổng sản phẩm quốc nội * FTA)	Phuong (2022)
int2	Tương tác 2	$int2=ln_dis*f_{ta}$ (khoảng cách địa lý * FTA)	Nguyen & Vu (2022)
int3	Tương tác 3	$int3=ln_pop*f_{ta}$ (quy mô dân số * FTA)	Chí (2021), UNCTAD (2021)
int4	Tương tác 4	$int4=ln_exr*f_{ta}$ (tỷ giá hối đoái * FTA)	Chí (2021)

Bảng 1. Khai báo các biến sử dụng trong mô hình (tiếp theo)

Kí hiệu	Biến số	Giải thích	Kế thừa nghiên cứu
int5	Tương tác 5	$int5=inf*fta$ (tỷ lệ lạm phát * FTA)	Huong (2024), Trung tâm WTO (2021)
int6	Tương tác 6	$int6=law*fta$ (chỉ số quy định về luật pháp và pháp quyền * FTA)	Huong (2024), Trung tâm WTO (2021)
ln_gdp	Tổng sản phẩm quốc nội	Tổng sản phẩm quốc nội	Abafita & Tadesse (2021), Bojnec & Fertó (2021), Nugroho & Lakner (2021), Assoua & cộng sự (2024), Putro & cộng sự (2024), Vo & cộng sự (2024)
ln_dis	Khoảng cách địa lý	Khoảng cách địa lý từ thủ đô Việt Nam - Hà Nội đến thủ đô của quốc gia nhập khẩu (đơn vị tính là \$)	Khan & cộng sự (2020), Abafita & Tadesse (2021), Bojnec & Fertó (2021), Nugroho & Lakner (2021), Assoua & cộng sự (2024), Putro & cộng sự (2024), Vo & cộng sự (2024)
ln_pop	Quy mô dân số	Quy mô dân số của quốc gia.	Khan & cộng sự (2020), Assoua & cộng sự (2024), Vo & cộng sự (2024)
ln_exr	Tỷ giá hối đoái	Tỷ giá hối đoái, được đo lường bằng đơn vị tiền tệ địa phương so với \$.	Abafita & Tadesse (2021), Nugroho & Lakner (2021), Nugroho & cộng sự (2021), Assoua & cộng sự (2024), Putro & cộng sự (2024), Vo & cộng sự (2024)
Inf	Tỷ lệ lạm phát	Tỷ lệ lạm phát của các quốc gia, được đo lường bằng %.	Assoua & cộng sự (2024), Redmond & Nasir (2020)
<i>Biến kiểm soát</i>			
Ind	Chỉ số Công nghiệp hoá	Chỉ số công nghiệp hoá quốc gia, được đo lường bằng % GDP.	Khan & cộng sự (2021), Nugroho & cộng sự (2021), Nugroho & cộng sự (2021)

Bảng 1. Khai báo các biến sử dụng trong mô hình (tiếp theo)

Kí hiệu	Biến số	Giải thích	Kế thừa nghiên cứu
Urb	Chỉ số Đô thị hoá	Chỉ số đô thị hoá của quốc gia, được đo lường bằng % dân số.	Ayele & Tarekegn (2020), Khan & cộng sự (2021)
Pol	Chỉ số Ổn định chính trị	Chỉ số về mức độ ổn định chính trị và không xảy ra bạo lực ở các quốc gia, được đo lường trong khoảng (-2,5:2,5).	Bojnec & Fertő (2021)
Law	Chỉ số Quy định luật lệ	Chỉ số quy định về luật pháp - phát quyền, được đo lường trong khoảng (-2,5:2,5).	Bojnec & Fertő (2021)
Inc	Thu nhập	Biến giả thu nhập của các quốc gia, trong đó $i = (1,3)$, lần lượt là nhóm nước có thu nhập cao, trung bình cao, trung bình thấp, và ngược lại.	Nugroho & cộng sự (2021), Yu & cộng sự (2020)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

4. Kết quả nghiên cứu

Để đảm bảo tính đồng nhất giữa các biến và tăng độ tin cậy của mô hình, đề tài thực hiện chuyển hóa một số dữ liệu sang dạng hàm và đơn vị phù hợp với đặc điểm của từng biến thể hiện ở mô hình nghiên cứu. Một số dữ liệu của một số quốc gia trong một vài năm không được công bố nên nghiên cứu đã đưa ra khỏi bộ dữ liệu của mô hình. Bảng 2 thể hiện các biến được đề xuất đưa vào mô hình.

Bảng 2 trình bày kim ngạch xuất khẩu cà phê (exp) của Việt Nam, với chênh lệch lớn giữa giá trị tối thiểu và tối đa, phản ánh sự đa dạng về quy mô thị trường và nhu cầu tiêu thụ. Nghiên cứu tập trung phân tích tác động của FTA, với giá trị trung bình 0,334 (sai số chuẩn 0,472), cho thấy chỉ 33,4% đối tác có hiệp định thương mại với Việt Nam. Các biến kiểm soát (quy mô kinh tế, địa lý, tỷ giá) cũng có biến động lớn, tiềm ẩn nguy cơ làm lệch kết quả hồi quy. Để giảm thiểu độ lệch, nghiên cứu áp dụng logarit hóa các biến có phương sai cao trước khi phân tích.

Bảng 2. Thống kê các biến được sử dụng trong mô hình định lượng

Tên biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
exp	1.3650	31165,8600	67604,1900	0,0000	522879,0000
fta	1.3800	0,3341	0,4718	0,0000	1,0000
gdp	1.4020	1,020,000,000,000	2,660,000,000,000	1,760,000,000	27,400,000,000,000
dis	1.4030	7228,2350	3696,5440	0,0000	17672,4700
pop	1.4030	81.300.000	234.000.000	340748,0000	1.430.000.0000
exr	1.3850	815,5192	3171,3130	0,1390	23787,3200
inf	1.4020	5,0001	9,3151	-25,1281	150,0007
urb	1.4030	68,1996	17,7350	0,1870	1,0000
ind	1.4030	29,0721	10,1634	2,3000	74,1130
pol	1.3420	0,1901	0,8428	-2,1200	1,7600
law	1.3420	0,4819	0,9645	-1,7400	2,1200

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Để xem xét tác động của FTA đến giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam và loại trừ sự thiên lệch của hệ số hồi quy trong các mô hình của Pooled OLS, FEM và REM, nghiên cứu của Hoang & Ngan (2020), Nsabimana & Tirkaso (2020), Bojnec & Fertő (2021), Tran & Nguyen (2023), Trinh & cộng sự (2023) và Vo & cộng sự (2024) sử dụng kỹ thuật hồi quy GMM với Mô hình (1) đánh giá tác động trực tiếp của FTA và Mô hình (2) nhằm đo lường sự khác biệt trong mức độ tác động của FTA theo các biến liên quan đến kim ngạch xuất khẩu cà phê (Bảng 3). Để phát hiện và khắc phục nội sinh giữa các biến trong mô hình, nghiên cứu thực hiện kiểm tra từng biến để xác định biến nội sinh và xác định biến công cụ cho mô hình. Kết quả kiểm định Durbin Wu-Hausman cho thấy các biến fta, exr, inf, pol, law và biến nước thu nhập trung bình thấp bị nội sinh trong mô hình khi p-value nhỏ hơn 0,05. Các biến nội sinh được sử dụng làm biến công cụ với độ trễ từ 2 đến 3 nhằm đảm bảo loại bỏ sự tương quan với nhiễu. Các biến ngoại sinh như gdp, dis, pop, urb, ind và hai biến nước thu nhập trung bình cao và cao được đưa vào với độ trễ khác nhau, dựa trên lý thuyết và đặc điểm động của các biến.

Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình GMM, so sánh giữa mô hình có FTA tương tác và không tương tác với các yếu tố khác

Biến	(1) Mô hình không có tương tác	(2) Mô hình có tương tác
<i>int1=ln_gdp*fta</i> (tổng sản phẩm quốc nội * hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)		-1,042 (1,266)
<i>int2=ln_dis*fta</i> (khoảng cách địa lý* hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)		-16,71** (6,404)
<i>int3=ln_pop*fta</i> (quy mô dân số* hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)		4,843** (2,239)
<i>int4=ln_exr*fta</i> (tỷ giá hối đoái* hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)		-1,207* (0,671)
<i>int5=inf*fta</i> (tỷ lệ lạm phát* hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)		25,04** (10,02)
<i>int6=law *fta</i> (chỉ số quy định luật pháp và pháp quyền* hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)		0,952 (1,691)
<i>fta</i> (hiệp định thương mại tự do với Việt Nam)	0,553* (0,296)	97,85** (47,90)
<i>L.ln_exp</i> (giá trị XK cà phê của Việt Nam)	0,210** (0,104)	-0,364** (0,175)
<i>ln_gdp</i> (tổng sản phẩm quốc nội)	-1,208 (0,727)	-1,023 (1,267)
<i>ln_dis</i> (khoảng cách địa lý giữa thủ đô Việt Nam và quốc gia đối tác)	-0,268 (0,682)	19,22** (7,830)
<i>ln_pop</i> (quy mô dân số)	1,918** (0,762)	0,471 (1,756)

Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình GMM, so sánh giữa mô hình có FTA tương tác và không tương tác với các yếu tố khác (tiếp theo)

Biến	(1) Mô hình không có tương tác	(2) Mô hình có tương tác
<i>ln_exr</i> (tỷ giá hối đoái)	-0,197 (0,304)	2,719** (1,233)
<i>inf</i> (tỷ lệ lạm phát)	-2,896 (3,389)	-6,651 (6,209)
<i>pol</i> (chỉ số về mức độ ổn định chính trị và không xảy ra bạo lực ở các quốc gia)	0,556 (0,593)	0,544 (0,971)
<i>law</i> (chỉ số quy định về luật pháp - phát quyền ở các quốc gia)	0,0985 (0,932)	3,932 (2,534)
<i>urb</i> (chỉ số đô thị hoá)	2,912 (2,145)	17,75*** (6,340)
<i>ind</i> (chỉ số công nghiệp hoá)	-5,803** (2,768)	14,98 (10,94)
<i>inc1</i> (quốc gia có thu nhập cao)	7,062 (6,082)	-16,51 (16,34)
<i>inc3</i> (quốc gia có thu nhập trung bình thấp)	4,812 (4,343)	-14,07 (11,93)
<i>inc4</i> (quốc gia có thu nhập trung bình cao)	6,267 (5,221)	-14,51 (13,51)
Hệ số chặn	2,513 (7,975)	-150,8** (61,09)
Số quan sát	893	893
Số quốc gia	60	60
Số lượng biến công cụ	26	26
Hansen J-test	0,146	0,526
Diff-in Hansen test	0,264	0,211
AR(1)	0,044	0,014
AR(2)	0,190	0,563

Chú thích: Sai số chuẩn trong (); ***, **, * biểu thị mức ý nghĩa tương ứng 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Hồi quy bằng GMM có số lượng biến công cụ nhỏ hơn nhiều so với số quốc gia, nên vấn đề khuếch đại kiểm định Hansen do gia tăng số biến công cụ không đáng e ngại (Roodman, 2009). Kết quả kiểm định Hansen-J test, Difference in Hansen test, AR(1) và AR(2) cho thấy sự phù hợp của các biến công cụ và phương pháp ước lượng GMM. Kết quả kiểm định Wu-Hausman sau khi thực hiện mô hình GMM, với p value đều lớn hơn 5% cho thấy các biến bị nội sinh đã được khắc phục. Kết quả bảng 3 cho thấy tác động tích cực trực tiếp của FTA đến giá trị xuất khẩu cà phê, tương đồng với nhiều nghiên cứu trước tập trung vào EVFTA (Hoang & Ngan, 2020; Tran & Nguyen, 2023; Trinh, 2023), hay FTA (Bojnec & Fertő, 2021; Putro & cộng sự, 2024). Đặc biệt, khi so sánh mức độ tác động của FTA theo đặc điểm như khoảng cách địa lý ($\ln_dis*fta$) hay tỷ giá ($\ln_exr*fta$), cho thấy các quốc gia có cùng khoảng cách địa lý hoặc tỷ giá mà có FTA sẽ có giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam thấp hơn. Điều này cho thấy khi có FTA, khoảng cách địa lý hoặc tỷ giá có thể trở thành một rào cản đáng kể hơn đối với xuất khẩu cà phê, khi phải tuân thủ tiêu chuẩn chặt chẽ hơn hoặc chi phí vận chuyển phức tạp hơn so với thương mại truyền thống (Nguyen & cộng sự, 2023) và tỷ giá cao có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của xuất khẩu cà phê (Vo & cộng sự, 2024).

Trong khi đó, các quốc gia có cùng quy mô dân số ($\ln_pop*fta$) hoặc tỷ lệ lạm phát ($\ln_inf*fta$), FTA sẽ giúp gia tăng giá trị xuất khẩu cà phê. Sự hiện diện của FTA góp phần tăng cường ảnh hưởng tích cực của quy mô thị trường đối với giá trị xuất khẩu, có thể do mở rộng khả năng tiếp cận và tạo ra nhu cầu ổn định hơn. Bên cạnh đó, bằng cách tạo ra môi trường thương mại ổn định, ưu đãi hơn, FTA có thể giúp giảm thiểu rủi ro và chi phí liên quan đến lạm phát, duy trì lợi thế cạnh tranh (Olamide & cộng sự, 2022).

Ngược lại, $\ln_gdp*fta$ và $\ln_law*fta$ không có ý nghĩa thống kê, chỉ ra không có sự khác biệt trong mức độ tác động của FTA theo tổng sản phẩm quốc nội hoặc khung pháp lý đến xuất khẩu cà phê. Khác với nghiên cứu của Nsabimana & Tirkaso (2020) và Putro & cộng sự (2024), tổng sản phẩm quốc nội ảnh hưởng tích cực đến xuất khẩu cà phê, Bojnec & Fertő (2021) nhấn mạnh vai trò của chất lượng thể chế trong việc thúc đẩy thương mại. Điều này cho thấy hiệu quả của FTA không đồng nhất mà phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế - xã hội khác nhau, từ đó cung cấp góc nhìn quan trọng, làm nổi bật sự phức tạp trong việc tận dụng các hiệp định thương mại nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu cà phê.

Bên cạnh đó, Mô hình (1) cho thấy giá trị xuất khẩu cà phê kỳ trước ($L.\ln_exp$) có tác động tích cực, trong khi chỉ số công nghiệp hóa (\ln_ind) tác động tiêu cực đến giá trị xuất khẩu cà phê. Điều này phù hợp với nhận định của Khan & cộng sự (2021) và Nugroho & cộng sự (2021) khi cho rằng công nghiệp hóa có thể gây ảnh hưởng tiêu cực dài hạn hoặc gián tiếp lên xuất khẩu nông sản (do chuyển dịch đất đai, lao động). Quy mô dân số (\ln_pop) cũng có

tác động tích cực, tương đồng với nghiên cứu của Vo & cộng sự (2024), cho thấy năng lực sản xuất nội địa cao hơn sẽ thúc đẩy xuất khẩu cà phê.

Trong khi Mô hình (2), giá trị xuất khẩu cà phê kỳ trước (L_{ln_exp}) lại tác động tiêu cực, cho thấy tác động phức tạp hơn khi có sự so sánh khác biệt trong mức độ tác động của FTA theo đặc điểm quốc gia (các biến tương tác). Theo đó, khoảng cách địa lý (ln_dis) tác động tích cực đáng kể đến giá trị xuất khẩu cà phê. Kết quả này phản ánh mối quan hệ thương mại của Việt Nam với các thị trường xa như EU, được hỗ trợ bởi EVFTA (Hoang & Ngan, 2020; Tran & Nguyen, 2023).

Tương tự, tỷ giá hối đoái (ln_exr) có tác động tích cực, phù hợp với các nghiên cứu của Abafita & Tadesse (2021), Nugroho & Lakner (2021), Putro & cộng sự (2024), cho thấy tỷ giá thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu cà phê. Chỉ số đô thị hóa (urb) cũng tạo động lực tích cực cho xuất khẩu cà phê, tương đồng với phát hiện của Fan & cộng sự (2023) (thông qua cơ sở hạ tầng) hoặc Ayele & Tarekegn (2020) đối với các quốc gia đang phát triển. Các biến khác như GDP, tỷ lệ lạm phát, chỉ số ổn định chính trị, chỉ số quy định về luật pháp và các biến thu nhập không cho thấy tác động đến giá trị xuất khẩu cà phê. Những kết quả này nhấn mạnh sự khác biệt của các yếu tố tác động đến xuất khẩu cà phê khi xem xét phạm vi nghiên cứu khác nhau.

5. Hàm ý chính sách và kết luận

Nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của FTA trong thúc đẩy xuất khẩu cà phê tại Việt Nam giai đoạn 2001-2023. FTA không chỉ tác động trực tiếp đến giá trị xuất khẩu mà còn cho thấy sự hiệu quả của các yếu tố như GDP, quy mô dân số, khoảng cách địa lý, tỷ giá hối đoái và tỷ lệ lạm phát lên xuất khẩu (Tran & Nguyen, 2023). Cà phê Việt Nam mở rộng thị trường tại các quốc gia có thu nhập cao nhờ các FTA như EVFTA và CPTPP, tạo cơ hội cho việc tiêu thụ mạnh mẽ tại các thị trường như EU và Trung Quốc (Nguyen & cộng sự, 2024). Tuy nhiên, hiệu quả của FTA còn phụ thuộc vào khả năng tận dụng các cơ hội của Việt Nam như hạ tầng Logistics yếu kém và khả năng kiểm soát tỷ giá chưa ổn định, từ đó làm giảm lợi ích tiềm năng từ các FTA. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cải cách thể chế, đầu tư vào hạ tầng và nâng cao năng lực sản xuất là những yếu tố then chốt để tối ưu hóa lợi ích từ FTA. Để tối ưu hóa lợi ích từ các FTA và cải thiện các yếu tố kinh tế và xã hội tới xuất khẩu cà phê của Việt Nam, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần tập trung vào đàm phán thêm FTA với các thị trường tiềm năng như Châu Phi, Trung Đông và Nam Mỹ. Đây là những khu vực có nhu cầu cà phê ngày càng tăng nhưng hiện chưa được khai thác đầy đủ. Bên cạnh đó, Việt Nam cần cải thiện hạ tầng Logistics và áp dụng công nghệ vào quản lý xuất khẩu sẽ giúp tối ưu hóa lợi ích từ các hiệp định này.

Thứ hai, Chính phủ cần có những chính sách ổn định tỷ giá hối đoái và kiểm soát lạm phát để đảm bảo giá trị xuất khẩu cà phê. Chính phủ cần giám sát tỷ giá và dự trữ ngoại hối, đồng thời phát triển sản phẩm chế biến sâu để tăng giá trị xuất khẩu và mở rộng thị trường. Theo Bojnec & Fertő (2021), việc phát triển các dòng sản phẩm chế biến sâu, như cà phê hòa tan cao cấp, giúp gia tăng giá trị xuất khẩu và mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt tại các quốc gia có yêu cầu cao về chất lượng như Nhật Bản và EU.

Thứ ba, Chính phủ cần quan tâm cải thiện hạ tầng Logistics. Khoảng cách địa lý và chi phí Logistics hiện vẫn là những thách thức lớn đối với xuất khẩu cà phê Việt Nam, đặc biệt ở các thị trường xa như Châu Âu và Bắc Mỹ. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng Logistics, bao gồm cảng biển và hệ thống vận tải nội địa, sẽ giảm chi phí vận chuyển và thời gian giao hàng, xây dựng các trung tâm trung chuyển quốc tế tại các cảng lớn giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao tính cạnh tranh (Nguyen & cộng sự, 2022).

Thứ tư, Chính phủ cần có biện pháp cải cách và nâng cao khung pháp lý. Việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, giảm thiểu các thủ tục hành chính, đồng thời hợp tác với các tổ chức quốc tế giúp nâng cao uy tín và hình ảnh của cà phê Việt Nam qua các chứng nhận chất lượng và thương hiệu.

Mặc dù đạt được một số kết quả trong đánh giá tác động của FTA đến giá trị xuất khẩu cà phê, nghiên cứu còn hạn chế do sử dụng dữ liệu thứ cấp và chưa tích hợp đầy đủ yếu tố phi thuế quan, ảnh hưởng đến độ chính xác. Hướng tiếp theo bao gồm khảo sát doanh nghiệp để thu thập dữ liệu vi mô, phân tích tác động lên chuỗi cung ứng cà phê và mở rộng nghiên cứu sang nông sản khác, bổ sung yếu tố văn hóa - xã hội, hoặc mở rộng phạm vi để xem xét thêm tác động của biến đổi khí hậu và xu hướng tiêu dùng xanh đối với xuất khẩu cà phê.

Tài liệu tham khảo

- Abafita, J. & Tadesse, T. (2021), “Determinants of global coffee trade: Do RTAs matter? Gravity model analysis”, *Cogent Economics & Finance*, Vol. 9 No. 1, 1892925.
- Assoua, J.E., Molua, E.L. & Nkendah, R. (2024), “Evidence of sanitary and phytosanitary measures on Africa’s Agricultural Trade: the case of coffee exports from cameroon to the OECD”, *SAGE Open*, Vol. 14 No. 2, 21582440241243135.
- Tiến, A. (2024), “Nhiều cơ hội tăng trưởng xuất khẩu cà phê”, *Báo Nhân Dân*, <https://nhandan.vn/nhiều-co-hoi-tang-truong-xuat-khau-ca-phe-post838209.html>
- Baier, S.L. & Bergstrand, J.H. (2007), “Do free trade agreements actually increase members’ international trade?”, *Journal of International Economics*, Vol. 71 No. 1, pp. 72-95.
- Boehm, C.E., Flaaen, A. & Pandalai-Nayar, N. (2023), “The effects of free trade agreements on product-level trade”, *European Economic Review*, Vol. 162, 104673
- Bojnec, Š. & Fertő, I. (2020), “The institutional determinants of bilateral Agricultural and food trade”, *Applied Studies in Agribusiness and Commerce*, Vol. 3 No. 3-4, pp. 53-57.

- Bộ Công Thương (2024), “Tạo bệ phóng cho mặt hàng cà phê đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường CPTPP”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/tao-be-phong-cho-mat-hang-ca-phe-day-manh-xuat-khau-sang-thi-truong-cptpp.html#:~:text=L%C5%A9y%20k%E1%BA%BF%20%20th%C3%A1ng%20%20%91%E1%BA%A7u,c%E1%BB%A7a%20c%C3%B9ng%20k%E1%BB%B3%20n%C4%83m%202023>, truy cập ngày 25/02/2025.
- Chí, C. (2021), “Tập dụng các FTA nhằm duy trì tăng trưởng xuất khẩu”, *Báo Nhân dân*, <https://nhandan.vn/tan-dung-cac-fta-nham-duy-tri-tang-truong-xuat-khau-post621791.html>, truy cập ngày 25/02/2025.
- Cubillos, T.J.P., Soltész, B. & Vasa, L. (2021), “Bananas, coffee and palm oil: the trade of agricultural commodities in the framework of the EU-Colombia free trade agreement”, *PLOS ONE*, Vol. 16 No. 8, e0256242.
- Đỗ, H. (2025), “Xuất khẩu cà phê: Hướng tới mốc 6 tỷ USD”, *Báo Điện tử Chính phủ*, <https://baochinhphu.vn/xuat-khau-ca-phe-huong-toi-moc-6-ty-usd-102250305171537503.htm>, truy cập ngày 25/02/2025.
- Hoang, N.T. & Ngan, T.T. (2020), “Impacts of EVFTA on the exportation of Vietnamese agricultural products to the EU market”, *Journal of International Economics and Management*, Vol. 21 No. 1, pp. 1-23.
- Huong, N. (2024), “Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường có FTA duy trì tăng trưởng hai con số”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương*, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/kim-ngach-xuat-khau-cua-viet-nam-sang-cac-thi-truong-co-fta-duy-tri-tang-truong-hai-con-so.html>, truy cập ngày 25/02/2025.
- Khan, Z.A., Koondhar, M.A., Khan, I., Ali, U. & Tianjun, L. (2021), “Dynamic linkage between industrialization, energy consumption, carbon emission, and agricultural products export of Pakistan: an ARDL approach”, *Environmental Science and Pollution Research*, Vol. 28, pp. 43698-43710.
- Kunroo, M.H. & Ahmad, I. (2023), “Heckscher-ohlin theory or the modern trade theory: How the overall trade characterizes at the global level?”, *Journal of Quantitative Economics*, Vol. 21 No. 1, pp. 151-174.
- Krugman, R.P. & Obstfeld, M. (2022), *International Economics: Theory and Policy*, 12th Edition, p. 34, Published by Pearson.
- Nguyen, A.T. & Le, H.V.T. (2023), “Impact of the EU: Vietnam free trade agreement (EVFTA) on agricultural product export enterprises in Vietnam”, *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, Vol. 12 No. 1, 117.
- Nguyen, T. & Le, T. (2020), “Free trade agreements and their role in Vietnam’s economic development”, *Asian Economic Policy Review*, Vol. 18 No. 3, pp. 76-85.
- Nguyen, T.M. (2023), *Báo cáo xuất khẩu cà phê Việt Nam 2023*, Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam.
- Nsabimana, A. & Tirkaso, W.T. (2020), “Examining coffee export performance in Eastern and Southern African countries: do bilateral trade relations matter?”, *Agrekon*, Vol. 59 No. 1, pp. 46-64.
- Nugroho, A.D., Bhagat, P.R., Magda, R. & Lakner, Z. (2021), “The impacts of economic globalization on agricultural value added in developing countries”, *PLoS one*, Vol. 16 No. 11, e0260043.

- Olamide, E., Ogujiuba, K. & Maredza, A. (2022), "Exchange rate volatility, inflation and economic growth in developing countries: panel data approach for SADC", *Economies*, Vol. 10 No. 3, 67.
- Putro, F.A.D., Putri, L.A., Prawira, G. & Sahara, S. (2024), "Determinan Ekspor Kopi Indonesia: Berpengaruhkah FTA?", *Journal Ekonomi dan Pembangunan Indonesia*, Vol. 24 No. 2, pp. 138-152.
- Ricardo, D. (1895), *The First Six Chapters of the Principles of Political Economy and Taxation of David Ricardo 1817*, Macmillan and Company.
- Roodman, D. (2009), "A note on the theme of too many instruments", *Oxford Bulletin of Economics and Statistics*, Vol. 71, pp. 135-158.
- Romli, N., Mohamed, S. & Ahmad, Z. (2022), "Impact of export, import, and population on economic growth in Malaysia", *Journal of Advanced Research in Business and Management Studies*, Vol. 27 No. 1, pp. 1-9.
- Tinbergen, J. (1962), "Shaping the world economy: suggestions for an international economic policy", *The Economic Journal*, Vol. 76 No. 301, pp. 92-95.
- Phuong, T. (2022), "Hội nhập kinh tế quốc tế: cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới", *Tạp chí Công sản*, <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/826698/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te--co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-cac-doanh-nghiep-viet-nam-trong-trien-khai-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi.aspx>, truy cập ngày 25/02/2025.
- Tran, D. & Nguyen, M. (2023), "The role of free trade agreements in Vietnam's economic growth", *Journal of Asian Economics*, Vol. 30 No. 1, pp. 45-61.
- Tran, T.M. & Nguyen, A.V. (2023), "Impact of the free trade agreement (FTA) on agricultural product export enterprises in Vietnam", *Journal of Multidisciplinary Science: Mikailalsys*, Vol. 1 No. 3, pp. 289-305.
- Trinh, T.T.H., Nguyen, T.T. & Le, H. (2023), "The impacts of trade facilitation on Vietnam's imports and exports: evidence from a gravity model", *The Journal of Social, Political, and Economic Studies*, Vol. 48 No. 3, pp. 274-282.
- Trung tâm WTO (2021), "Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và tác động đối với kinh tế Việt Nam", <https://trungtamwto.vn/an-pham/15709-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-va-tac-dong-doi-voi-kinh-te-viet-nam>, truy cập ngày 25/02/2025.
- UNCTAD (2021), "Key statistics and trends in international trade 2020", *United Nations Publications, New York*, https://unctad.org/system/files/official-document/ditctab2020d4_en.pdf, truy cập ngày 25/02/2025.
- Vo, T.D., Yang, L. & Dung T.M. (2024), "Determinants influencing Vietnam coffee exports", *Cogent Business & Management*, Vol. 11 No. 1, 2337961.
- Yin, Z.H. & Choi, C.H. (2023), "The effects of China's cross-border e-commerce on its exports: a comparative analysis of goods and services trade", *Electronic Commerce Research*, Vol. 23 No. 1, pp. 443-474.